

Số: /TTr-UBND
“Dự thảo”

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG;
- Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

- Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

- Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang trước hợp nhất đã ban hành Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 01/07/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021- 2025; tỉnh Hà Giang trước hợp nhất đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND. Theo đó, việc phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình căn cứ theo tiêu chí, định mức của xã, huyện trong giai đoạn.

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn này áp dụng đối với cả vốn đầu tư và kinh phí thường xuyên. Để cụ thể hóa những quy định của Trung ương, làm cơ sở cho việc phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện Chương trình của tỉnh giai đoạn 2026-2030 và hàng năm; việc ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,

giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành nghị quyết

Triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ để làm căn cứ để phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo nghị quyết

- Đảm bảo việc thi hành hiến pháp, pháp luật.
- Phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Thực hiện đúng theo quy định về phân cấp của cơ quan cấp trên.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì tham mưu xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết. Hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được xin ý kiến các Sở, ngành liên quan, các xã, phường trên địa bàn tỉnh; đăng tải xin ý kiến nhân dân trên cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang từ ngày... đến ngày...

2. Hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

3. Hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được thông qua tại cuộc họp Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; kỳ họp thành viên UBND tỉnh kỳ tháng... năm 2026.

4. Hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo nghị quyết: Gồm 03 chương, 02 mục, 09 điều.

a) Chương I: Quy định chung, gồm 03 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Nguyên tắc phân bổ.

b) Chương II: Quy định cụ thể, gồm 02 mục với 04 điều:

- Mục 1: Quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

+ Điều 4. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã.

+ Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

- Mục 2: Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương

+ Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương.

+ Điều 7. Nội dung sử dụng ngân sách tỉnh.

c) Chương III: Điều khoản thi hành, gồm 02 điều:

- Điều 8. Tổ chức thực hiện.

- Điều 9. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết:

2.1. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

- Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1;

- Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã ATK, xã biên giới: Hệ số 50;

- Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;

- Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.

b) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 và hàng năm; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đến từng nội dung thành phần và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã, phường.

2.2. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Tiêu chí phân bổ:

- Nhiệm vụ của Chương trình do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khối lượng nhiệm vụ, nhu cầu vốn thực hiện; nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc năm 2025.

b) Định mức phân bổ

Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại nghị quyết để phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; mức phân bổ theo đề xuất nhu cầu thực tế nhưng tối đa không quá 10% (bao gồm vốn đầu tư và kinh phí thường xuyên) kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

2.3. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương

- Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngân sách địa phương đối ứng bao gồm vốn bố trí trực tiếp cho Chương trình và vốn bố trí để thực hiện đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh và của xã, phường.

- Các xã, phường có trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình.

2.4. Nội dung sử dụng ngân sách tỉnh

- Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương đã được hỗ trợ cho xã theo tiêu chí, hệ số, định mức quy định tại Điều 3 Nghị quyết này).

- Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Căn cứ vào đề xuất, nhu cầu của các địa phương, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo nhu cầu kinh phí để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực: Nguồn vốn ngân sách nhà nước giao thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 và hàng năm.

2. Dự kiến thời gian trình thông qua: Thông qua nghị quyết vào kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thường kỳ giữa năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ được gửi kèm qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Tuyên Quang - VNPT iOffice gồm: (1) Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030; (2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030; (3) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (4) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và MT, Dân tộc và Tôn giáo, Tư pháp; Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- CV khối NCTH;
- Lưu VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**